TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25-3-2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam
Các Hội thẩm nhân dân: ông Võ Hồng Hạnh
bà Lại Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Thái Học – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 134/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/03/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Chu Thị Lan A, sinh năm: 1992; nghề nghiệp: giáo viên mầm non; hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: khu 1, ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai; *(có mặt)*

2. Bị đơn: anh Hoàng Đức T, sinh năm: 1992; nghề nghiệp: không; hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: số 60/3, ấp 2, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản lấy lời khai đối chất, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Chu Thị Lan A trình bày: thông qua bạn bè, chị và anh Hoàng Đức T quen biết, sau đó tìm hiểu nhau (chủ yếu là qua điện thoại) khoảng 3 năm thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào năm 2015. Đây là hôn nhân đầu tiên của cả hai người. Do nhu cầu công việc nên năm đầu tiên sau khi kết hôn, vợ chồng mỗi người sinh sống một nơi, chị A làm việc và sống với cha mẹ đẻ ở xã L, anh T theo cha mẹ đi làm ăn tại tỉnh T, thỉnh thoảng mới gặp nhau. Thời gian sau đó hai người chung sống cùng cha mẹ anh T ở ấp 2, xã X được khoảng một năm

thì do mâu thuẫn nên hai người ly thân từ tháng 7/2017 đến nay, chị về ở cùng cha mẹ đẻ ở xã L. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nghiện ma túy nhưng che giấu chị và gia đình, ham chơi, không chịu làm việc, không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi chơi dài ngày và mỗi lần về lại tìm cách xin tiền mẹ để trả nợ. Trong thời gian vợ chồng ly thân, chị và anh T có gặp nhau tại nhà cha mẹ đẻ chị nhưng không nói chuyện được với nhau nên tình cảm không hàn gắn được. Khi biết chị nộp đơn ly hôn, anh T nói ly hôn thì ly hôn. Chị xác định hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn; về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Theo đơn biên bản lấy lời khai, biên bản lấy lời khai đối chất, biên bản hòa giải, bị đơn là anh Hoàng Đức T trình bày: anh thống nhất với lời trình bày của chị A về quá trình tiến tới hôn nhân của vợ chồng cũng như diễn biến việc chung sống sau khi hai người kết hôn. Anh thừa nhận việc sau khi kết hôn anh không có công việc ổn định, ai kêu gì làm nấy, hiện nay anh phụ cha mẹ cạo mủ cao su; anh cũng thừa nhận việc từng sử dụng ma túy nhưng theo anh thì đã tự cai nghiện được gần 01 năm nay; và anh cũng cho rằng vợ chồng ly thân từ đầu năm 2018 tới nay, không phải từ tháng 7/2017 như chị A trình bày. Về nguyên nhân vợ chồng ly thân, theo anh là do vào dịp tết Mậu Tuất 2018, anh đi chơi bị công an bắt xe nên chị A giận dỗi, bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở xã L rồi sống cùng cha mẹ từ đó tới nay; ngoài ra, trong thời gian vợ chồng sống cùng cha mẹ anh ở xã X, mỗi khi vợ chồng cãi nhau, chị A gọi điện cho cha mẹ đẻ kể lể, sau đó cha vợ lại vào nhà đón chị về xã L; việc cha mẹ vợ không tôn trọng cha mẹ anh cũng đã tác động đến quan hệ của vợ chồng. Trong thời gian vợ chồng ly thân, anh có gọi điện, nhắn tin nói chuyện với vợ vài lần nhưng kết quả là vợ chồng cãi nhau nên tình cảm không hàn gắn được. Anh xác định tình cảm dành cho chị A vẫn còn nên không đồng ý ly hôn. Vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về quan hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật, tuy nhiên còn có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử; quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; riêng bị đơn vắng mặt cả 02 phiên tòa nên xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp. Về áp dụng pháp luật: đề nghị áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây viết tắt là Luật HN&GĐ) để giải quyết vụ án. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị A ly hôn anh T

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Chu Thị Lan A khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh Hoàng Đức T, quá trình giải quyết anh Trung không đồng ý ly hôn nên xác định đây là vụ

án "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó chị Lan A là nguyên đơn, anh T là bị đơn.

Bị đơn (anh Hoàng Đức T) được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: chị Chu Thị Lan A và anh Hoàng Đức T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 27/4/2015, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lan A nhận thấy: theo chị Lan A, xuất phát từ việc sau khi kết hôn anh T không có việc làm, lại nghiện ma túy, ham chơi, không lo cho gia đình khiến vợ chồng mâu thuẫn nên vợ chồng ly thân từ tháng 7/2017 đến nay; còn anh T thì cho rằng anh làm công việc tự do, ai kêu gì làm nấy và hiện nay anh phụ giúp cha mẹ cạo mủ cao su, trước đây anh có sử dụng ma túy nhưng đã cai nghiện được gần 01 năm nay; vợ chồng ly thân từ đầu năm 2018 do chị Lan A tự bỏ về nhà cha mẹ đẻ. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: anh T có hộ khẩu thường trú tại số 60/3, ấp 2, xã X, không có tên trong danh sách đối tượng nghiện ma túy do địa phương quản lý; Tòa án cũng tiến hành xác minh cha mẹ đẻ của anh T nhưng họ từ chối khai báo và chỉ cho biết: vợ chồng anh T và chị Lan A hiện nay không còn chung sống với nhau. Xét thấy: qua lời trình bày của chị Lan A và anh T có thể thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng là có thật; vợ chồng không chia sẻ được với nhau những vấn đề xảy ra trong cuộc sống, không trao đổi để giải quyết khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bản thân anh T không có công việc làm ổn định, chỉ phụ giúp cha mẹ khiến cho kinh tế vợ chồng khó khăn; bên cạnh đó, việc anh T nghiện ma túy và dùng tiền do bản thân kiếm được cho việc mua ma túy đã ảnh hưởng nhiều đến tình cảm vợ chồng, mặc dù anh T xác định đã tự cai nghiện nhưng là sau khi chị Lan A đã nộp đơn ly hôn và cũng không giao nộp cho Tòa án tài liệu nào chứng minh cho việc cai nghiện. Ngoài ra, cả 02 đều xác định: trong suốt thời gian ly thân vợ chồng cũng đã nhiều lần gặp nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm, mà mỗi lần gặp nhau đều xảy ra cãi vã. Như vậy, có thể khẳng định: do anh T sử dụng ma túy, không quan tâm đến gia đình đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về con chung: không có nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Lan A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng, pháp luật áp dụng và đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của BLTTDS; Điều 56 của Luật HN&GĐ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Chu Thị Lan A được ly hôn anh Hoàng Đức T.

2. Về con chung: không có nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Chu Thị Lan A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Lan A đã nộp tại biên lai thu tiền số 004247 ngày 24/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; chị Lan A đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng bị đơn vắng mặt nên quyền kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký và đóng dấu)

Hà Thế Nam